

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
vào ngành Ngôn ngữ Anh (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-ĐHTN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021;

Căn cứ hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 49 thí sinh trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa Ngoại ngữ, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Đd*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(5)

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (LIÊN THÔNG), HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1301/QĐ-DHTN ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	Đỗ Thị	Anh	02/10/1994	Nữ	Sư phạm Sinh học	Đại học	8.46	Giỏi	2016		2NT	25.88	
2	Lê Việt	Quân	20/4/1984	Nam	Liên ngành cơ điện	Đại học	6.04	TB Khá	2007		1	18.87	
3	Nguyễn Tiến	Công	30/6/1988	Nam	Y khoa	Đại học	7.57	Khá	2012		1	23.46	
4	Trần Song Ngọc	Châu	25/4/1994	Nữ	Y khoa	Đại học	8.42	Giỏi	2018		1	26.01	
5	Trần Thị Xuân	Phấn	16/01/1988	Nữ	Lâm sinh	Đại học	7.92	Khá	2010		1	24.51	
6	Đào Dân	Tiến	15/01/1975	Nam	GD Thể chất	Đại học	7.60	Khá	2003		2	23.05	
7	Nguyễn Đình	Việt	02/12/1988	Nam	Sư phạm Ngữ văn	Đại học	7.20	Khá	2011		1	22.35	
8	Nguyễn Đình	Nam	02/02/1990	Nam	GD Thể chất	Đại học	7.26	Khá	2013		1	22.53	
9	Lê Thị Huỳnh	Như	15/5/1990	Nữ	Huấn luyện thể thao	Đại học	7.68	Khá	2014		3	23.04	
10	Nguyễn Thị Phương	Hồng	17/9/1986	Nữ	GD Thể chất	Đại học	7.31	Khá	2009		3	21.93	
11	Võ Thái	Nguyên	24/8/1987	Nam	Huấn luyện thể thao	Đại học	7.02	Khá	2015		3	21.06	
12	Nguyễn Ngọc	Linh	19/6/1994	Nam	Huấn luyện thể thao	Đại học	7.36	Khá	2016		3	22.08	
13	Nhan Bảo	Phong	29/11/1989	Nam	GD Thể chất	Đại học	7.46	Khá	2020		3	22.38	
14	Nguyễn Minh	Tuân	02/6/1993	Nam	Huấn luyện thể thao	Đại học	7.88	Khá	2015		3	23.64	
15	Lê Đức	Thọ	03/10/1990	Nam	Y sinh học TĐTT	Đại học	7.80	Khá	2015		3	23.40	
16	Nguyễn Tiến	Đạt	07/4/1991	Nam	GD Thể chất	Đại học	6.72	Trung bình	2014		3	20.16	
17	Ngô Thị Thùy	Dung	15/02/1995	Nữ	Quản lý TĐTT	Đại học	6.71	TB Khá	2018		3	20.13	
18	Điền	Điền	01/10/1973	Nam	Quản lý VHDT	Đại học	7.00	Khá	1997		3	21.00	Tính học lực
19	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	26/11/1988	Nữ	Y học dự phòng	Đại học	7.39	Khá	2013		3	22.17	
20	Đinh Thị Thương	Hoài	25/10/1998	Nữ	Kinh tế	Đại học	6.93	Khá	2020		1	21.54	
21	Phùng Thị Kim	Thúy	07/10/1986	Nữ	Sư phạm Sinh học	Đại học	7.44	Khá	2008		3	22.32	
22	Lý Thị Thanh	Huyền	28/12/1993	Nữ	Tài Chính - Ngân hàng	Đại học	7.07	Khá	2016	01	3	23.21	
23	Trần Công	Chính	13/9/1990	Nam	Công nghệ thông tin	Đại học	6.20	Trung bình	2013		1	19.35	
24	Nguyễn Thị Diệu	Hòa	08/01/1996	Nữ	Y khoa	Đại học	8.07	Giỏi	2020		1	24.96	
25	Nguyễn Thị	Thúy	03/10/1974	Nữ	Thể dục thể thao	Đại học	7.93	Khá	1996		3	23.79	
26	Trương Thị Mỹ	Hiền	03/11/1982	Nữ	GD Thể chất	Đại học	7.04	Khá	2004		2	21.37	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
27	Phan Thị Thùy	Trang	10/3/1996	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Đại học	7.46	Khá	2018		1	23.13	
28	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	18/10/1987	Nữ	Đông phương học	Đại học	5.97	Trung bình	2011		1	18.66	
29	Đào Xuân	Viên	06/8/1998	Nam	Quản lí đất đai	Đại học	6.56	Trung bình	2021		1	20.43	
30	Thái Thị Hoài	Thương	12/12/1990	Nữ	Kinh tế đối ngoại	Đại học	8.19	Giỏi	2012		1	25.32	
31	Đoàn Thị	Hiền	30/12/1991	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Đại học	9.04	Xuất sắc	2016		1	27.87	
32	Trần Minh	Phúc	19/5/1995	Nữ	Sư phạm Toán học	Đại học	7.73	Khá	2017		1	23.94	
33	Nguyễn Thảo	Vân	16/02/1998	Nữ	Công nghệ sinh học	Đại học	7.71	Khá	2020		1	23.88	
34	Dương Thị Thanh	Nga	01/3/1982	Nữ	Sư phạm Âm nhạc	Đại học	7.83	Khá	2015		1	24.24	
35	Bùi Thị Kim	Tuyền	24/8/1991	Nữ	Toán học - Tin học	Đại học	7.29	Khá	2013		1	22.62	
36	Nguyễn Phương Mỹ	Dung	16/6/1989	Nữ	Quản trị kinh doanh	Đại học	7.15	Khá	2011		3	21.45	
37	Nguyễn Văn	Diệp	07/8/1981	Nam	Văn học	Đại học	6.89	TB Khá	2019		2	20.92	
38	Huỳnh Thị	Hoa	10/10/1996	Nữ	Giáo dục Tiểu học	Đại học	8.83	Xuất sắc	2018		1	27.24	
39	La Duy	Đài	19/5/1985	Nam	GD Thể chất	Đại học	6.42	TB Khá	2010		3	19.26	
40	Phạm Thị Hoài	Trâm	17/9/1990	Nữ	Địa lí - Du lịch	Đại học	7.03	Khá	2012		3	21.09	
41	Huỳnh Vạng	Phước	01/01/1984	Nam	GD Thể chất	Đại học	8.27	Giỏi	2008		1	25.56	
42	Nguyễn Anh	Tuấn	22/4/1974	Nam	Tâm lý học	Đại học	7.34	Khá	2014		3	22.02	
43	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Linh	23/4/1996	Nữ	GD Quốc phòng AN	Đại học	7.55	Khá	2018		2NT	23.15	
44	Trần Thị Kim	Quyển	02/9/1995	Nữ	Sư phạm Sinh học	Đại học	7.21	Khá	2017		3	21.63	
45	Võ Thanh	Thùy	16/8/1994	Nam	GD Quốc phòng AN	Đại học	7.21	Khá	2017		3	21.63	
46	Văn Thị	Thơ	09/02/1990	Nữ	Tài Chính - Ngân hàng	Đại học	6.92	TB Khá	2013		1	21.51	
47	Huỳnh Nguyễn Tổ	Uyên	03/8/1994	Nữ	Sinh học	Đại học	7.48	Khá	2016		1	23.19	
48	Nguyễn Mỹ	Huệ	03/10/1996	Nữ	Sư phạm Hóa học	Đại học	7.47	Khá	2018		1	23.16	
49	Trần Vạn	Thắng	14/8/1994	Nam	Luật	Đại học	7.00	Khá	2021		3	21.00	

Danh sách gồm 49 thí sinh.



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
vào ngành Điều dưỡng (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-ĐHTN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021;

Căn cứ hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 18 thí sinh trúng tuyển vào ngành Điều dưỡng (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa Y dược, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *ĐL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(5)



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG (LIÊN THÔNG), HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC
 (Kèm theo Quyết định số 1302/QĐ-ĐHTN ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	Huỳnh Hải	Yến	08/12/1997	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.70	Khá	2021		1	23.85	
2	Phạm Thị	Hằng	17/02/1996	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.55	Khá	2017	07	1	24.40	
3	Uông Thị	Bích	15/5/1987	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.00	Khá	2010	07	1	22.75	
4	Lê Thị Hà	Quyên	25/9/1991	Nữ	Y sĩ	Trung cấp	7.80	Khá	2018	07	2NT	24.90	
5	A	Kuin	05/02/1997	Nam	Điều dưỡng	Cao đẳng	8.20	Giỏi	2019	01	1	27.35	
6	Nguyễn Tùng	Anh	28/7/1993	Nam	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.60	Khá	2019		3	22.80	
7	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	25/3/1995	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.00	Khá	2016	07	1	22.75	
8	Hoàng Thị Thanh	Tâm	09/11/1996	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	8.26	Giỏi	2020		1	25.53	
9	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	11/4/1987	Nữ	Điều dưỡng	Trung cấp	7.80	Khá	2011	07	1	25.15	
10	Nguyễn Thị	Lành	25/6/1993	Nữ	Y sĩ	Trung cấp	8.00	Giỏi	2013		1	24.75	
11	Ngô Thị	Hoa	16/3/1994	Nữ	Y sĩ đa khoa	Trung cấp	7.70	Khá	2015	07	1	24.85	
12	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/7/1998	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	8.65	Giỏi	2019		1	26.70	
13	Đặng Thị Kim	Phụng	22/6/1996	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.64	Khá	2015		1	23.67	
14	Nguyễn Thị Ngọc	Sa	05/3/1994	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.07	Khá	2015		1	21.96	
15	Cao Thị Thu	Hà	10/12/1991	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.60	Khá	2014		2NT	23.30	
16	Mai Thạch	Thảo	12/8/1990	Nữ	Điều dưỡng	Cao đẳng	7.56	Khá	2011		1	23.43	
17	Bùi Thị	Hoài	02/10/1994	Nữ	Điều dưỡng	Trung cấp	7.00	Khá	2014		1	21.75	
18	Trần Thị	Nhung	23/02/1987	Nữ	Điều dưỡng	Trung cấp	7.20	Khá	2008	07	2NT	23.10	

Danh sách gồm 18 thí sinh.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
vào ngành Lâm sinh (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2021 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHTN ngày 15/7/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế tuyển sinh vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-ĐHTN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận mức điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo, hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021;

Căn cứ hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 17 thí sinh trúng tuyển vào ngành Lâm sinh (liên thông), hình thức vừa làm vừa học, đợt 2, năm 2021 (trong phức lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, Phòng Công tác sinh viên, Khoa Nông Lâm nghiệp, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Đd*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(5)



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục
DANH SÁCH THI SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH LÂM SINH (LIÊN THÔNG), HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC
 (Kèm theo Quyết định số 1300.../QĐ-ĐHTN ngày 22...tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành đã tốt nghiệp					Đối tượng	Khu vực	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Tên ngành	Trình độ đào tạo	Điểm xếp loại tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp				
1	Phạm Tuấn	Hải	13/3/1992	Nam	Lâm sinh	Trung cấp	7.40	Khá	2020		1	22.95	
2	Hoàng Trung	Minh	06/10/1992	Nam	Công nghệ thông tin	Đại học	6.48	Trung bình	2016		1	20.19	
3	Hoàng Ngọc	Thạch	07/6/1992	Nam	Lâm sinh	Trung cấp	5.90	Trung bình	2014		3	17.70	
4	Chế Ngọc	Sơn	03/9/1997	Nam	Trồng trọt & BVTV	Trung cấp	7.60	Khá	2019		1	23.55	
5	Đậu Đình	Lực	26/3/2000	Nam	Trồng trọt & BVTV	Trung cấp	7.40	Khá	2021		1	22.95	
6	Bùi Quang	Hiếu	01/01/1997	Nam	Quản lý đất đai	Trung cấp	8.10	Giỏi	2019		1	25.05	
7	Trần Hoàng	Long	18/4/1993	Nam	Kiểm lâm	Trung cấp	6.70	TB Khá	2013		1	20.85	
8	Lê Anh	Đức	20/10/1987	Nam	Lâm nghiệp	Trung cấp	7.10	Giỏi	2007		2NT	21.80	
9	Lê Văn	Huy	05/11/1988	Nam	Lâm nghiệp	Cao đẳng	7.06	Khá	2011		1	21.93	
10	Vũ Đức	Hưng	20/12/1994	Nam	Quản lý đất đai	Cao đẳng	7.60	Khá	2016		2NT	23.30	
11	H Nễn	Cầm	17/4/1989	Nữ	Khuyến nông lâm	Trung cấp	7.10	TB Khá	2009	01	1	24.05	
12	Đào Minh	Tiến	25/02/1994	Nam	Quản lý tài nguyên rừng	Trung cấp	6.30	TB Khá	2014		3	18.90	
13	Lữ Tuy	Duy	15/02/1987	Nam	Lâm nghiệp	Trung cấp	7.50	Khá	2009		2	22.75	
14	Phạm Xuân	Bảo	15/10/1990	Nam	Trồng trọt & BVTV	Trung cấp	6.50	Khá	2014		1	20.25	Xét HL
15	Lê Chí	Quyền	10/11/1991	Nam	Quản lý tài nguyên rừng	Trung cấp	6.70	TB Khá	2015		3	20.10	
16	Y	Đình	23/02/1993	Nam	Khoa học môi trường	Cao đẳng	6.75	Khá	2016	01	1	23.00	
17	R Ô	YTôn	15/8/1992	Nam	Lâm sinh	Trung cấp	6.20	TB Khá	2016	01	1	21.35	

Danh sách gồm 17 thí sinh. *Dd*